



NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUAN HỆ LÀO – VIỆT NAM (1986–2016)

Nguyễn Viết Xuân

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, 77 Nguyễn Huệ, Huế, Việt Nam

Tóm tắt. Quan hệ giữa hai nước Lào và Việt Nam đã được khẳng định là mối quan hệ truyền thống đặc biệt, được chính phủ và nhân dân hai nước dày công vun đắp qua nhiều thế hệ. Trong 30 năm kể từ sau khi hai nước cùng thực hiện công cuộc đổi mới, mở cửa đất nước (1986–2016), mối quan hệ đặc biệt giữa hai quốc gia tiếp tục được đẩy mạnh và đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực hợp tác. Tuy nhiên, bối cảnh quốc tế của thời hậu Chiến tranh lạnh cùng với địa vị quốc tế của mỗi nước từ sau đổi mới, mở cửa đã xuất hiện những nhân tố mới tác động đến mối quan hệ truyền thống giữa hai nước láng giềng Lào – Việt Nam. Trên cơ sở phân tích các nhân tố tác động đến quan hệ Lào – Việt Nam trong giai đoạn 1986–2016, bài báo nhận diện, đánh giá mức độ tác động của các nhân tố vốn có và những nhân tố mới xuất hiện đến mối quan hệ Lào – Việt Nam trong giai đoạn này.

Từ khóa: Lào, Việt Nam, nhân tố tác động, quan hệ

1. Đặt vấn đề

Quan hệ Lào – Việt Nam là quan hệ đặc biệt, hình thành từ rất sớm trong lịch sử, phát triển từ quan hệ truyền thống, được các thế hệ lãnh đạo và nhân dân hai nước dày công vun đắp. Từ những tương đồng lịch sử, nhất là thời cận đại và hiện đại, nhân dân hai nước đã kề vai sát cánh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, sau đó là Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và Đảng Cộng sản Việt Nam, cùng chống lại kẻ thù chung, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cùng xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Lịch sử của Lào và Việt Nam đã chứng minh sự cần thiết gắn bó trong quan hệ giữa hai nước và sự an nguy và thịnh vượng của hai nước luôn có mối quan hệ qua lại hết sức chặt chẽ. Quan hệ đặc biệt Lào – Việt Nam từ khi hình thành cho đến nay, đặc biệt từ năm 1986 – khi hai nước cùng thực hiện công cuộc đổi mới đất nước – đã chịu sự tác động, chi phối của nhiều nhân tố chủ quan và khách quan khác nhau, bao gồm các nhân tố bên trong (nhân tố nội sinh) và nhân tố bên ngoài (nhân tố ngoại sinh). Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, cả Lào và Việt

*Liên hệ: vietxuan.tctuqb@gmail.com

Nhận bài: 23-10-2019; Hoàn thành phản biện: 19-12-2019; Ngày nhận đăng: 23-03-2020

Nam đều đang đẩy mạnh tiến trình hội nhập quốc tế, đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Điều này có nghĩa là cả Lào và Việt Nam có những đối tác mới cần quan tâm và do đó, sự suy giảm tầm quan trọng của mỗi bên đối với nhau là không tránh khỏi. Làm thế nào để vừa đạt được những lợi ích của mỗi nước, vừa gìn giữ được mối quan hệ đặc biệt, bởi vì dù trong hoàn cảnh mới thì sự đặc biệt trong quan hệ hai nước vẫn tiếp tục có vai trò quan trọng. Trên cơ sở phân tích, đánh giá các nhân tố tác động đến quan hệ giữa hai nước Lào và Việt Nam trong giai đoạn 1986–2016, bài báo nhận diện những nhân tố tác động tích cực và những nhân tố tiềm ẩn nguy cơ tác động tiêu cực đến quan hệ Lào – Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

2. Những nhân tố tác động

Trong bối cảnh mới của tình hình thế giới, khu vực và những thay đổi lớn về kinh tế, xã hội ở mỗi nước kể từ sau khi hai nước tiến hành công cuộc cải cách đổi mới, mối quan hệ đặc biệt Lào – Việt Nam tiếp tục được tăng cường và củng cố. Sự phát triển của quan hệ Lào – Việt Nam trong bối cảnh mới chịu sự tác động của nhiều nhân tố bên trong và bên ngoài.

2.1. Nhân tố bên trong

Về những nhân tố bên trong (nhân tố nội sinh), hệ tư tưởng và mục tiêu quốc gia là nhân tố cơ bản, quan trọng nhất, tạo tiền đề và tác động lớn nhất đến quan hệ Lào – Việt Nam. Kế tiếp truyền thống của liên minh Lào – Việt từ trong kháng chiến chống Pháp và kháng chiến chống Mỹ, được kế tục trong thời kỳ cả hai nước thực hiện nhiệm vụ khôi phục và hàn gắn vết thương chiến tranh sau 1975, quan hệ đặc biệt Lào – Việt từ sau 1986 tiếp tục được xây dựng và phát triển trên nền tảng cùng ý thức hệ, cùng có chung mục tiêu xây dựng và phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa (XHCN). Công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay cả ở Lào và Việt Nam đều dưới sự lãnh đạo của Đảng Marxist – Leninist, có chung cội nguồn là Đảng Cộng sản Đông Dương. Hai Đảng, hai Nhà nước Lào và Việt Nam cho đến hiện nay vẫn duy trì mối quan hệ gắn bó, mật thiết, luôn hết lòng tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước dù tình hình mỗi nước cũng như bối cảnh quốc tế, khu vực và các mối quan hệ quốc tế của mỗi bên có nhiều thay đổi.

Từ sau 1986, mục tiêu quốc gia của cả hai nước đều là tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên cơ sở cải cách, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và mở cửa về đối ngoại. Ý thức chính trị chi phối công cuộc đổi mới và mở cửa của mỗi nước đều là phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Trong quá khứ, sự nhất trí về quan điểm tư tưởng, đường lối chiến lược đã giúp hai nước xây dựng được liên minh chiến đấu Lào – Việt. Điều này còn được hiểu là, để giành chiến thắng cho mỗi nước và liên minh Lào – Việt, hai bên phải có một chiến lược phối hợp với nhau. Chiến lược phối hợp ấy không vụ lợi như thế chỉ có thể sinh ra từ

một đường lối chính trị có sự nhất trí cao độ về quan điểm và lợi ích chân chính của hai nước. “Về mặt đường lối, mối quan hệ cùng chung một dòng máu chính trị, là tài sản quý báu nhất của hai Đảng, hai nhà nước và hai dân tộc, là một yếu tố quan trọng quyết định đến thắng lợi của cách mạng hai nước trong quá trình chiến đấu trường kỳ gian nan vất vả” [7, Tr. 87; 12, Tr. 244]. Điều này không chỉ đúng trong lịch sử mà trong giai đoạn hiện tại, sự tương đồng về ý thức hệ cũng như mục tiêu phát triển đất nước của mỗi bên đang là nhân tố cơ bản tác động đến mối quan hệ đặc biệt Lào – Việt Nam. Điều này có được là nhờ nhiều yếu tố khác nhau. *Thứ nhất*, các thế hệ lãnh đạo chủ chốt trong hệ thống chính trị của Lào hầu hết đều được gửi qua Việt Nam đào tạo cơ bản hoặc ít nhất đã từng học lý luận ở Việt Nam, có tư tưởng đồng thuận, tình cảm gắn bó, gần gũi với Việt Nam. Mối quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết chiến đấu đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai nước đã trải qua những thử thách trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung, và trong giai đoạn mới hai nước cùng hướng đến mục tiêu xây dựng đất nước giàu mạnh, đi lên chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, Lào và Việt Nam dễ tìm kiếm quan điểm chung trong các chính sách, chiến lược phát triển. *Thứ hai*, kể từ khi hai nước tiến hành công cuộc cải cách đổi mới, lãnh đạo hai nước đều chủ trương xây dựng mối quan hệ hợp tác trên nguyên tắc “bình đẳng cùng có lợi, kết hợp thỏa đáng tính chất quan hệ đặc biệt với thông lệ quốc tế, ưu tiên, ưu đãi hợp lý cho nhau” [6, Tr. 178]. Điều này có nghĩa là lãnh đạo hai nước đều quán triệt nguyên tắc giúp đỡ nhau trên tinh thần đồng chí, chí công vô tư, tương trợ tối đa đồng thời xóa dần cơ chế bao cấp “xin – cho”. Hơn nữa, công cuộc đổi mới và mở cửa đất nước ở Lào và Việt Nam đều được tiến hành trên cơ sở những chủ trương và bằng những phương thức về cơ bản là tương đồng với nhau. Đó cũng là thuận lợi cơ bản để củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết đặc biệt trong bối cảnh mới. Đặc biệt, cả Lào và Việt Nam đều coi nhau thuộc ưu tiên số một trong chính sách đối ngoại của mỗi nước. Đây là nhân tố có ý nghĩa quan trọng, cơ bản nhất trong quan hệ Lào – Việt, là cơ sở để kết hợp các nhân tố, thúc đẩy quan hệ giữa hai nước trong hiện tại và tương lai.

Bên cạnh đó, yếu tố địa lý với trên 2000 km đường biên giới tạo nên *sự gắn bó về vận mệnh lịch sử* giữa Lào và Việt Nam. Trước hết về mặt chiến lược, dù muốn hay không thì sự ổn định của một quốc gia láng giềng có chung đường biên giới dài luôn là vấn đề mà bất cứ quốc gia nào cũng quan tâm. Thứ hai, đối với Lào, một quốc gia không có bờ biển thì việc tiếp cận biển qua các cảng biển của Việt Nam là con đường ngắn nhất, nhất là các cảng biển ở miền Trung Việt Nam. Đường số 9, con đường bắt đầu hình thành từ thời Pháp thuộc, đoạn nối cửa khẩu Lao Bảo giáp Lào (cửa khẩu Densavan phía Lào) đến cảng Cửa Việt ở Quảng Trị chưa đầy 90 km; còn nếu đến cảng Đà Nẵng – cảng lớn nhất miền Trung, cũng chỉ 215 km. Cũng từ biên giới, qua cửa khẩu Kham Phao ở tỉnh Bolikhamsay (cửa khẩu Cầu Treo phía Việt Nam, hoặc cửa khẩu Nậm Ôn cũng thuộc Bolikhamsay (cửa khẩu Thanh Thủy ở Nghệ An), từ các tỉnh Đông Bắc Lào qua cửa khẩu Na Mèo ra cảng Nghi Sơn ở Thanh Hóa. Cuối cùng, không chỉ gắn kết với nhau về lợi ích kinh tế mà về mặt chiến lược, hai nước luôn cần thiết đối với nhau. Do

nằm án ngữ ở phía Đông, Việt Nam như một thanh lá chắn vững chắc bảo vệ Lào tránh được các cuộc tấn công trực diện từ phía biển. Trong khi đó, đối với Việt Nam, từ xa xưa trong lịch sử, Lào đã từng là khu vực đệm giúp Việt Nam tránh được nhiều cuộc tấn công trực diện từ Ayutthaya và Miến Điện. Cho đến ngày nay, những thế lực chống Việt Nam cũng luôn tìm cách mở rộng ảnh hưởng ở Lào, để từ đó phong toả Việt Nam. Do đó, đối với Việt Nam, “giúp bạn là mình tự giúp mình” trở thành phương châm trong quan hệ với Lào. Có thể thấy, vận mệnh lịch sử của hai quốc gia gắn kết với nhau từ trong lịch sử, tiếp nối cho đến ngày nay trong xây dựng và phát triển đất nước. Điều này lại càng được biểu hiện rõ trong giai đoạn hai nước tiến hành đổi mới, mở cửa đất nước (1986) cho đến nay.

Lợi ích quốc gia, dân tộc là nhân tố có tính quy luật chi phối mọi mối quan hệ quốc tế. Đối với quan hệ Lào – Việt Nam, nhân tố này làm cho mỗi quan hệ hợp tác giữa hai nước ngày càng đi vào thực chất và hiệu quả hơn. Lịch sử đã chứng minh sự gắn kết giữa hai quốc gia, dân tộc như là quy luật tự nhiên, có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong sự phát triển của mỗi nước. Trong quan hệ Lào – Việt Nam, xét trên hai yếu tố lợi ích an ninh – quốc phòng và kinh tế là rõ nét hơn cả.

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, Lào và Việt Nam đều đứng trước những thuận lợi cũng như khó khăn và thách thức to lớn. Sự sụp đổ của Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu không chỉ tạo ra những lỗ hổng đột ngột trong quan hệ đối ngoại của Lào và Việt Nam mà còn gây ra những tác động nhất định về mặt an ninh chính trị cũng như tư tưởng của mỗi nước. Các thế lực thù địch lợi dụng tình hình, tăng cường chống phá, chia rẽ khối đoàn kết Lào – Việt, không ngừng sử dụng chiến lược “diễn biến hòa bình” để tấn công vào sự nghiệp cách mạng của mỗi nước. Hợp tác an ninh Lào – Việt Nam được xây dựng trên cơ sở truyền thống chống ngoại xâm của hai dân tộc, tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau, phát huy thế mạnh và khả năng của mỗi nước trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, kết hợp tính chất quan hệ đặc biệt với thông lệ quốc tế, coi trọng chất lượng và hiệu quả hợp tác, có ưu tiên ưu đãi hợp lý cho nhau.

Trong quan hệ Lào – Việt Nam, sự giúp đỡ mọi mặt của Việt Nam cho Lào, nhất là về an ninh – quốc phòng đã giúp Lào vượt qua những thời điểm khó khăn nhất để đứng vững và phát triển. Nằm ở trung tâm bán đảo Đông Dương, Lào là đất nước không có biển và có biên giới đất liền với Trung Quốc, Campuchia, Việt Nam, Myanmar và Thái Lan. Vì vậy, quan hệ với Việt Nam có thể “bảo đảm sự vững chắc về an ninh quốc gia, góp phần mở rộng và ảnh hưởng của Lào, nhằm giảm sức ép từ Trung Quốc” [7, Tr. 91] và Thái Lan, vì “trước đây mỗi khi Lào có vấn đề căng thẳng với Thái Lan, nắm được điểm yếu của Lào, nước này thường gây sức ép bằng biện pháp đóng cửa biên giới với Lào” [9, Tr. 31]. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước CHDCND

Lào Choummaly Sayasone¹ khẳng định: “Mối quan hệ quốc phòng, an ninh giữa hai nước Việt – Lào, Lào – Việt được hình thành và phát triển không phải do ý muốn chủ quan của bất kỳ bên nào, mà là do yêu cầu khách quan của cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do chống kẻ thù chung, từ yêu cầu xây dựng đất nước của hai dân tộc qua các giai đoạn lịch sử...” [10, Tr. 84].

Lào có vai trò địa – chính trị cực kỳ quan trọng đối với Việt Nam. Mọi diễn biến trong đời sống chính trị, kinh tế – xã hội Lào, với mức độ khác nhau, đều tác động nhạy cảm và trực tiếp đến tình hình chính trị – an ninh, kinh tế xã hội, môi trường quốc tế của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở Việt Nam. Bởi vậy, sự ổn định trong hòa bình và phát triển của Lào và việc củng cố mối quan hệ đặc biệt Lào – Việt trên lĩnh vực an ninh – quốc phòng trở thành một trong những yếu tố cấu thành lợi ích thiết thân, chính đáng của Việt Nam [12, Tr. 106]. An ninh và ổn định của Lào có ảnh hưởng trực tiếp tới an ninh, ổn định và phát triển của Việt Nam, bởi vị trí địa – chính trị của Lào có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ biên giới phía Tây của Việt Nam, ngăn chặn những tác động xấu trực tiếp từ phía Tây vào Việt Nam.

Trong bối cảnh hội nhập khu vực và quốc tế kể từ sau năm 1986 đến nay, hai nước tiếp tục tăng cường hợp tác trong lĩnh vực quốc phòng – an ninh, bảo vệ an ninh biên giới trên quan điểm an ninh tương hỗ. Sự ổn định an ninh của Lào là điều kiện quan trọng đảm bảo an ninh của Việt Nam và ngược lại. Do vậy, việc tăng cường hợp tác an ninh – quốc phòng giữa hai nước luôn là vấn đề sống còn của hai quốc gia Lào – Việt Nam. Chính do yêu cầu khách quan mà hai dân tộc đã liên kết với nhau, là nhân tố bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Lào và Việt Nam.

Không chỉ về chính trị, trong lĩnh vực phát triển kinh tế, những biến đổi mới của tình hình quốc tế và khu vực đòi hỏi Lào – Việt Nam phải tăng cường hợp tác để hội nhập và phát triển. Việc hợp tác trước đây thường manh mún, nhỏ lẻ theo dự án, theo yêu cầu đột xuất của nhau, nay đã chuyển hẳn sang hình thức hợp tác kinh tế theo kế hoạch ngắn và dài hạn, theo nguyên tắc lấy hợp tác kinh tế làm nền tảng cơ bản để tăng cường hơn nữa về chính trị, quốc phòng, an ninh và trên cơ sở của nền kinh tế thị trường. Hiện nay, quan hệ hợp tác toàn diện Lào – Việt Nam ngày càng thực chất, hiệu quả hơn, phục vụ thiết thực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở mỗi nước. Việc thực hiện gần 50 hiệp định thỏa thuận hợp tác song phương trong các lĩnh vực thương mại, đầu tư, du lịch, văn hóa... đã thu được nhiều kết quả, trong đó, tốc độ tăng trưởng thương mại hàng năm tăng. Nếu năm 1986, tổng kim ngạch buôn bán hai nước đạt 7,8 triệu USD và năm 2000 đạt 176,4 thì đến năm 2016 đạt 823,3 triệu USD (cao nhất là năm 2014, đạt 1,29 tỷ USD) [5, Tr. 113; 7, Tr. 97].

Bên cạnh gia tăng thương mại, hợp tác đầu tư Lào – Việt Nam cũng đạt được kết quả tốt. Hai bên đã thống nhất nhiều giải pháp nhằm khuyến khích các nhà đầu tư như giảm 50% thuế

¹ Choummaly Sayasone là Tổng Bí thư, Chủ tịch nước CHDCND Lào giai đoạn 2006-2016.

suất nhập khẩu hàng hóa có xuất xứ từ mỗi nước, xây dựng các khu kinh tế cửa khẩu quốc tế. Năm 2015, đầu tư từ Lào sang Việt Nam có 10 dự án với tổng số vốn đăng ký trên 75 triệu USD, xếp thứ 49 trong hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư vào Việt Nam và xếp thứ 7 trong số các nước ASEAN; đến năm 2016, Việt Nam có 258 dự án được cấp phép đầu tư sang Lào, với tổng số vốn đăng ký là 5,1 tỷ USD [5, Tr. 457; 16], xếp thứ 3 trong số các nước có đầu tư vào Lào.

Trong bối cảnh tình hình khu vực và thế giới đầy biến động phức tạp, khó lường, việc thúc đẩy mối quan hệ đặc biệt Lào – Việt Nam nhất là trên lĩnh vực kinh tế sẽ góp phần bảo đảm cho mỗi nước giữ vững ổn định, phát triển và hội nhập, củng cố và tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác ở khu vực và trên thế giới, nâng cao vị thế quốc tế của hai dân tộc. Như vậy, không chỉ mở rộng và tăng cường quan hệ về chính trị, mà hợp tác kinh tế giữa hai nước ngày càng phát triển khá mạnh trên nhiều lĩnh vực quan trọng. Rõ ràng, lợi ích của mỗi nước cũng như cả hai nước đã làm cho mối quan hệ Lào – Việt Nam ngày càng gắn bó, hợp tác ngày càng thực chất và hiệu quả hơn.

Sự nghiệp đổi mới và mở cửa của hai nước với những kết quả đạt được là nhân tố tác động mạnh đến quan hệ Lào – Việt Nam từ sau Đổi mới. Nhân tố này phải được nhìn nhận cả từ góc độ tác động tích cực và tác động tiêu cực. Những thành tựu phát triển kinh tế của hai nước từ sau Đổi mới, việc mỗi nước mở rộng các mối quan hệ quốc tế và qua đó nâng cao vị thế quốc tế của mình hiển nhiên có tác động tích cực đến quan hệ Lào – Việt.

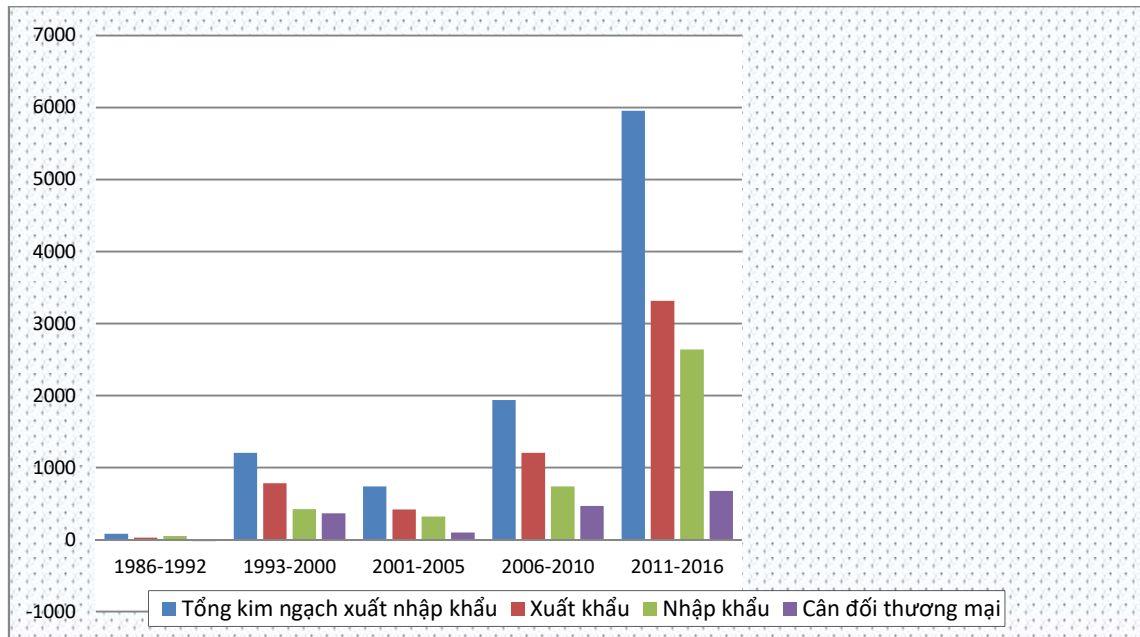
Sau 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới, nền kinh tế – xã hội của Lào và Việt Nam đã có những bước tiến vượt bậc. Đối với Lào, công cuộc cải cách kinh tế đã mang lại hiệu quả. Từ một quốc gia thuộc diện nghèo nhất thế giới, kinh tế Lào ngày càng phát triển năng động với tốc độ tăng trưởng GDP trung bình trong giai đoạn 2005–2010 là 7,3% [14], giai đoạn 2011–2016 là 7,6%² [11, Tr. 293]. GDP tăng dần qua các năm: nếu năm 2000 đạt 1,731 tỷ USD và năm 2010 đạt 7,128 tỷ USD thì đến năm 2016 đạt 15,80 tỷ USD; GDP bình quân đầu người tăng từ 375 USD năm 2000 lên 1.010 USD năm 2010 và đạt 1.741 USD vào năm 2014 [11, Tr. 282] và 2.120 USD năm 2016³. Đối với Việt Nam, những thành công ngày càng lớn trong phát triển kinh tế và hội nhập toàn cầu khiến Việt Nam trở thành trung tâm phát triển mới và có vị thế quan trọng của khu vực Đông Nam Á. Trong khoảng 5 năm (2003–2008), nền kinh tế Việt Nam đã tăng lên hơn 2 lần, từ 40 tỷ USD lên gần 100 tỷ USD, xuất khẩu tăng lên hơn ba lần, từ 20 tỷ USD lên 63 tỷ USD⁴. GDP tăng từ 31,173 tỷ USD năm 2000 lên 205,276 tỷ USD năm 2016, gần gấp đôi so với

² Năm 2011, đạt 8,6% bất chấp những khó khăn của nền kinh tế toàn cầu, Lào được Ngân hàng Thế giới xếp hạng thuộc diện tăng trưởng cao nhất châu Á.

³ World Bank (2016), Báo cáo phát triển kinh tế Lào 2016.

⁴ World Bank (2012), Báo cáo phát triển kinh tế Việt Nam 2012.

năm 2010 (115,932 tỷ USD); GDP bình quân đầu người năm 2016 đạt 2.200 USD⁵. Những thành tựu phát triển kinh tế, nhất là sự ra đời và vận hành của nền kinh tế hàng hóa ở cả hai nước là điều kiện quan trọng để quan hệ thương mại hai nước phát triển, thay đổi cả về tổng kim ngạch hai chiều, cả về chủng loại hàng hóa. Biểu đồ 1 cho thấy sự tăng trưởng của quan hệ thương mại hai nước từ sau Đổi mới.



Biểu đồ 1. Thương mại Lào – Việt Nam (1986–2016); Đơn vị tính: triệu USD

Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục Thống kê, Thống kê Hải quan (Việt Nam) [2, 5, 6, 7, 10].

Đường lối mở cửa của cả hai nước cũng góp phần thay đổi tính chất của mối quan hệ. Từ các mối liên hệ chủ yếu là song phương giữa hai nước, quan hệ Lào – Việt Nam còn được thể hiện ở các mối quan hệ đa phương, trong khuôn khổ Hiệp hội ASEAN, với các nước bên ngoài ASEAN như ASEAN+1, ASEAN+3, hợp tác Đông Á, hợp tác Tiểu vùng sông Mekong, v.v.

Bên cạnh tác động tích cực, công cuộc đổi mới và mở cửa của hai nước, từ một khía cạnh nhất định lại cũng là nhân tố tác động tiêu cực đến mối quan hệ truyền thống Lào – Việt Nam. Trước hết, trong bối cảnh mỗi bên mở rộng quan hệ quốc tế, có thêm nhiều đối tác quan hệ với nhiều triển vọng mở ra, mối quan hệ truyền thống vốn có trở nên không còn là duy nhất quan trọng. Đối với Lào, các đối tác mới thời hậu Chiến tranh lạnh như Thái Lan, Trung Quốc đang dần chiếm lĩnh thị trường đầu tư và buôn bán ở Lào. Ví dụ về đầu tư, nếu như giai đoạn 2005–

⁵ World Bank (2016), Báo cáo phát triển kinh tế Việt Nam 2016.

2010, Việt Nam chiếm vị trí thứ hai về đầu tư ở Lào chỉ sau Trung Quốc thì đến giai đoạn 2011–2015 bị tụt xuống vị trí thứ ba, sau cả Thái Lan.

2.2. Nhân tố bên ngoài

Bên cạnh nhân tố bên trong, còn có các nhân tố bên ngoài (nhân tố ngoại sinh) có những tác động lớn và tiềm ẩn khả năng làm thay đổi tính chất của quan hệ Lào – Việt Nam.

Trước hết là Trung Quốc, với sự trỗi dậy mạnh mẽ của mình, trong những thập niên gần đây, Trung Quốc đã tỏ ra là một nhân tố có sức tác động mạnh đến quan hệ quốc tế nói chung, quan hệ quốc tế khu vực Đông Á nói riêng, trong đó có quan hệ Lào – Việt Nam. Những thành tựu vượt bậc của công cuộc cải cách mà Trung Quốc tiến hành từ năm 1978 đã tạo đà cho Trung Quốc chuyển từ chiến lược đối ngoại “ăn mình chờ thời” sang “trỗi dậy hòa bình” nhằm lan tỏa ảnh hưởng thông qua viện trợ, đầu tư về kinh tế và bằng việc truyền bá văn hóa – một thứ “quyền lực mềm” mà thế hệ lãnh đạo thứ tư của Trung Quốc chủ trương. Bước sang thập niên thứ 2 của thế kỷ XXI, Trung Quốc tỏ ra quyết liệt hơn bằng sáng kiến “một vành đai, một con đường” (BRI), đề xuất vào tháng 11-2014 nhằm dẫn dắt luật chơi. Như vậy, với chính sách đối ngoại đầy tham vọng được sự hậu thuẫn của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, nhân tố Trung Quốc trở thành điểm nhấn mang tính bước ngoặt của trật tự quyền lực tại Đông Á, đưa đến thay đổi cục diện địa chính trị tại châu Á – Thái Bình Dương, tác động mạnh mẽ đến chính sách và chiến lược của các nước tại khu vực. Quan hệ đặc biệt Lào – Việt Nam cũng không nằm ngoài vòng xoáy ấy.

Kể từ khi nối lại quan hệ Lào – Trung (năm 1989), trong khuôn khổ định hướng đối ngoại mở cửa, Lào theo đuổi chính sách đối ngoại mềm dẻo, cởi mở và thân thiện với Trung Quốc. Việc cải thiện nhanh chóng quan hệ Lào – Trung, đặc biệt là từ sau cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á (năm 1997) đã giúp Lào nhanh chóng tiếp nhận những khoản viện trợ kinh tế từ Trung Quốc. Đối với Trung Quốc, Lào không chỉ là một nước láng giềng phía Nam, mà với vị trí nằm ở trung tâm bán đảo Trung Ấn, Lào là mắt xích quan trọng để Trung Quốc triển khai chiến lược gia tăng ảnh hưởng ở tứ giác kinh tế Trung Quốc, Lào, Thái Lan, Myanmar và tiểu vùng sông Mekong. Quan hệ Trung – Lào, do đó, được hai bên xác định là quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện. Trên tinh thần đó, hai nước đã giải quyết ổn thỏa việc phân định biên giới (năm 1992); ký tuyên bố chung, khẳng định phát triển quan hệ hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, láng giềng hữu nghị và tin cậy lẫn nhau trong thế kỷ XXI [7, Tr. 111]. Sự quan tâm của Trung Quốc đối với Lào thể hiện qua những chuyến viếng thăm của các thế hệ lãnh đạo Trung Quốc như Hồ Cẩm Đào (2006), Tập Cận Bình (2017).

Trong hơn hai thập niên qua, Trung Quốc vừa dùng viện trợ giúp Lào xây dựng những công trình bê nổi⁶ để tạo uy tín với nhân dân Lào, vừa tranh thủ đầu tư để đặt chân với những thỏa thuận thuê đất lâu dài trên khắp vùng lãnh thổ của Lào, đặc biệt chú ý tranh thủ các cơ hội khai thác tài nguyên, khoáng sản, thủy điện và các lợi thế của sông Mekong tạo ra tuyến đường thủy thông thương xuống Lào. Đồng thời, xác định tầm quan trọng của Lào trong chiến lược khu vực của Trung Quốc là vị trí địa lý của nước này, Trung Quốc coi Lào như một cầu nối từ Trung Quốc đến các nước Đông Nam Á lục địa trong khuôn khổ chiến lược “Vành đai và con đường”, tiêu biểu là dự án đường sắt cao tốc Côn Minh – Vientiane trị giá khoảng 7 tỷ USD [1].

Về thương mại và đầu tư, thị phần của Trung Quốc tại Lào ngày càng gia tăng. Trong quan hệ thương mại, mặc dù tổng kim ngạch thương mại Lào – Trung không lớn (năm 2014 đạt 3,6 tỷ USD) [1] do thị trường Lào có sức mua thấp, nhưng qua Lào, Trung Quốc có thể mở rộng thị trường xuống Thái Lan. Trung Quốc khuyến khích và hậu thuẫn các doanh nghiệp của mình làm ăn với Lào; tạo điều kiện cho Lào hưởng ưu đãi với hơn 300 mặt hàng xuất khẩu từ Lào sang không bị đánh thuế với số lượng không hạn chế [8, Tr. 37]. Trung Quốc đã và đang thực hiện chiến lược tạo ảnh hưởng ngày càng sâu vào Lào, từng bước làm giảm ảnh hưởng của Việt Nam cũng như Thái Lan với Lào thông qua con đường thâm nhập kinh tế ở hầu hết phía Bắc Lào và đang vươn dần đến Trung, Nam Lào.

Trong lĩnh vực đầu tư, tiềm lực kinh tế của Trung Quốc đã giúp nước này tăng cường đầu tư vào Lào; và đây cũng là một phần trong chính sách ngoại giao “chu biên” của Trung Quốc, đồng thời nhằm tiếp cận các nguồn tài nguyên của Lào, và thông qua tuyến đường cao tốc để thâm nhập khu vực Đông Nam Á dễ dàng hơn [13]. Do đó, tổng số vốn đầu tư của Trung Quốc vào Lào những năm gần đây gia tăng vượt bậc. Nếu như trong giai đoạn 2001–2005 đầu tư của Trung Quốc vào Lào chỉ đạt 112,35 triệu USD (xếp hàng thứ 3 sau Thái Lan và Pháp), thì đến 5 năm tiếp theo, từ 2006 đến 2010 tăng lên trên 24,5 lần, đạt xấp xỉ 2,768 tỷ USD [2, Tr. 53]. Theo số liệu thống kê, cho đến giữa năm 2013, Việt Nam còn là nhà đầu tư số một tại Lào với khoảng gần 5 tỷ USD, theo sau là Thái Lan với 4,8 tỷ USD, còn Trung Quốc chỉ đứng thứ ba với 4 tỷ USD thì đến năm 2016, đầu tư của Trung Quốc vào Lào đã đạt 5,421 tỷ USD, vươn lên thành nhà đầu tư lớn nhất trong khi Việt Nam đạt 5,1 tỷ USD [3, Tr. 315; 5, Tr. 350]⁷.

⁶ Như Trung tâm Hội nghị quốc gia, Sân vận động Trung tâm, Tuyến đường cao tốc nối Trung Quốc với các nước ASEAN...

⁷ Tuy nhiên, theo Đại sứ Trung Quốc tại Lào Quan Hòa Bình (Guan Huaping), tổng giá trị đầu tư thực tế của Trung Quốc tại Lào vào cuối năm 2013 đã đạt mức 5,1 tỷ USD, qua mặt Việt Nam trong tư cách là nhà đầu tư lớn nhất tại Lào [7; tr.112].

Bảng 1. Vốn đầu tư của Trung Quốc vào Lào (2012–2016)

Đơn vị tính: tỷ USD

2012	2013	2014	2015	2016
1,927	2,770	4,490	4,841	5,421

Nguồn: China Economic Information Service Xinhua Silk Road Department (2018).

Bên cạnh sự tăng mạnh về tổng vốn đầu tư vào Lào (vượt mức 6 tỷ USD trong năm 2016), Trung Quốc cũng dành cho Lào khoản viện trợ kinh tế và cho vay rất lớn (nhất là năm 2014, đạt 187 triệu USD) [15] và hầu hết dành cho các dự án cơ sở hạ tầng trọng điểm mang tính chiến lược⁸. Ở Lào, quy mô của các dự án BRI được thể hiện bằng dự án đường sắt cao tốc (HSR) dài 417 km từ biên giới Trung Quốc tới Vientiane và cuối cùng là một phần của tuyến đường sắt xương sống chạy từ Côn Minh tới Singapore với chi phí 6,8 tỷ USD, bằng khoảng 1/2 GDP năm 2015 của Lào (12,3 tỷ USD) [10, Tr. 131]. Cùng với các dự án đầu tư vào Lào, số lượng người Trung Quốc sang Lào làm việc và định cư ngày càng gia tăng mà theo các nhà nghiên cứu, điều đó đang tạo ra nguy cơ lớn biến Lào thành nước lệ thuộc vào Trung Quốc trong những thập kỷ tới⁹.

Liên quan đến quan hệ Lào – Việt Nam, Trung Quốc đã ký nhiều chương trình hợp tác viện trợ cho Lào, trong đó có nhiều nội dung tương tự Lào ký với Việt Nam trước đó như xây dựng hệ thống đài phát thanh truyền hình Lào, xây dựng bản đồ địa chất tỷ lệ 1/2.000.000 Bắc Lào... Nếu như Việt Nam đã giúp Lào xây dựng các công trình như Trường Dân tộc Nội trú Udomsay, Khoa Dự bị tiếng Việt tại Trường Đại học Quốc gia Lào, thì Trung Quốc ký thỏa thuận giúp Lào xây dựng Trường Dạy nghề Udomsay, Trung tâm tiếng Hoa tại Đại học Quốc gia Lào. Đồng thời, từ năm 2000, Trung Quốc triển khai việc giúp Lào đào tạo mỗi năm khoảng 50 cán bộ quản lý trung, cao cấp [6; Tr. 185]. Việc hình thành khu kinh tế hợp tác biên giới Boten – Mohan năm 2015 là minh chứng cho thấy sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc ở Lào. Chỉ sau hơn một năm, đã có trên 100 tỷ nhân dân tệ được đầu tư vào khu kinh tế hợp tác nằm nổi bật Vân Nam của Trung Quốc với tỉnh Bokeo của Lào. Những phân tích của nhà nghiên cứu Samuel Ku trên tờ Diplomat cho thấy, bằng việc triển khai các dự án ở những vùng hẻo lánh phía Thượng Lào giáp tỉnh Vân Nam, Trung Quốc đang nỗ lực gia tăng ảnh hưởng ở Lào. Và không chỉ ở Lào, những dự án đường sắt nối từ Côn Minh (Trung Quốc) xuống Vientiane rồi từ đó vượt sông Mekong với đích đến là Bangkok (Thái Lan) cũng là những minh chứng về việc Trung Quốc coi Lào là bàn đạp mở rộng ảnh hưởng xuống Đông Nam Á lục địa.

⁸ Văn phòng của Ngân hàng Thế giới ở Vientiane ước tính, Trung Quốc đã bổ sung khoảng 4,8 tỷ USD vào khoản vay cho Lào chỉ riêng trong dự án HSR.

⁹ Chính phủ Lào hiện đã cho phép Trung Quốc đưa khoảng 30.000 nhân công vào Lào lao động tại các công trình, dự án ở khu vực Bắc Lào do Trung Quốc làm chủ thầu. Dự báo đến năm 2020, số lao động Trung Quốc tại Lào sẽ tăng lên theo cấp số nhân và có thể đạt tới con số 300.000–500.000 người.

Sự phát triển quan hệ Lào – Trung và sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc ở Lào không thể không tạo ra những thách thức lớn đối với quan hệ hợp tác Lào – Việt Nam. Với sức mạnh kinh tế và tiềm năng tài chính của một nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, sự có mặt của các nhà đầu tư Trung Quốc ở Lào sẽ là một bất lợi lớn cho quan hệ Lào – Việt Nam không chỉ trên lĩnh vực đầu tư mà còn cả ở các lĩnh vực khác. Hơn nữa, trong bối cảnh tranh chấp biển Đông vẫn còn gay gắt mà Lào (cũng như Campuchia) lại không có liên quan trực tiếp, nên Trung Quốc luôn tìm cách lôi kéo Lào và các nước không có tranh chấp ủng hộ lập trường của Trung Quốc trên các diễn đàn quốc tế. Có thể thấy, việc gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc ở Lào sẽ là nhân tố ngoại sinh có ảnh hưởng lớn đến quan hệ Lào – Việt Nam.

Thái Lan là một nước có nền kinh tế hàng hóa phát triển trong khu vực Đông Nam Á, vì vậy, nhu cầu mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa và thị trường đầu tư luôn đặt ra đối với họ. Phát triển quan hệ kinh tế với các nước láng giềng, trong đó có Lào luôn là một ưu tiên trong chính sách kinh tế đối ngoại của Thái Lan. Hơn nữa, với vị trí địa lý gần kề, sự dễ dàng thông thương qua những cây cầu bắc qua sông Mekong giúp giảm đáng kể chi phí vận chuyển hàng hóa giữa Lào và Thái Lan. Sự gần gũi về ngôn ngữ, văn hóa, tôn giáo và một số phong tục, tập quán của cư dân hai nước là những thuận lợi rất cơ bản giúp người Thái dễ dàng hơn trong quan hệ giao dịch với Lào [2, Tr. 31–32]. Đặc biệt, do có sự tương đồng về văn hóa tộc người, sự khác biệt về thị hiếu hàng tiêu dùng của cư dân hai nước là không đáng kể cũng giúp các nhà sản xuất Thái Lan có những lợi thế trong việc sản xuất hàng hóa xuất sang Lào và đầu tư tại Lào.

Với những lợi thế trên, Thái Lan tăng cường mở rộng thị trường buôn bán và đầu tư tại Lào. Giá trị hàng hóa Thái Lan xuất qua thị trường Lào tăng nhanh, từ 26,638 tỷ baht năm 2005 lên 129,666 tỷ baht năm 2014; Thái Lan nhập khẩu từ Lào từ 7,648 tỷ baht năm 2005 lên 45,841 tỷ baht năm 2014 [2; Tr. 46]. Con số xuất siêu ngày càng tăng qua các năm đã khẳng định thị trường Lào ngày càng chiếm vị trí quan trọng đối với nền kinh tế Thái Lan, nhất là trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt giữa các nền kinh tế lớn trên thế giới. Kim ngạch thương mại hai chiều giữa hai nước luôn tăng và chiếm vị trí quan trọng trong ngoại thương của Lào. Nếu như năm 1986, kim ngạch buôn bán hai chiều của hai nước chỉ đạt 665,6 triệu bath (khoảng 20 triệu USD) và năm 2000 đạt 487,9 triệu USD thì đến năm 2014 đạt gần 5,7 tỷ USD, đứng đầu trong các nước có quan hệ thương mại với Lào [2, Tr. 46; 11, Tr. 308–311].

Quan hệ Lào – Thái cũng được tăng cường trong lĩnh vực đầu tư. Sau khi Lào thông qua Luật đầu tư nước ngoài (năm 1988), với lợi thế của một nước láng giềng, có tiềm lực kinh tế, Thái Lan trở thành nước có đầu tư lớn ở Lào. Thời gian đầu, từ năm 1989–2005, Thái Lan là nước có số vốn đầu tư tại Lào cao nhất (năm 2000 chiếm đến 56%, năm 2005 chiếm 29%) tổng vốn đầu tư trên toàn nước Lào [2, Tr. 61]. Đầu tư của Thái Lan tại Lào tiếp tục tăng trong các giai đoạn tiếp theo. Bước sang đầu thế kỷ XXI, Thái Lan tiếp tục là một trong những nhà đầu tư

lớn nhất tại Lào với tổng số vốn tăng lên đáng kể, từ 556,311 triệu USD giai đoạn 2001–2005 lên 2,767 tỷ USD giai đoạn 2006–2010. Tuy nhiên, từ sau năm 2006, Thái Lan đã phải nhường vị trí đầu tư cao nhất tại Lào cho Trung Quốc và Việt Nam¹⁰.

Ngoài ra, thông qua quan hệ thương mại và đầu tư với Lào, Thái Lan cũng tận dụng nhiều cơ hội để mở rộng ảnh hưởng ở quốc gia láng giềng phía Đông vốn không có xung đột về các vấn đề sắc tộc, tôn giáo. Đây cũng là một yếu tố vừa giúp Thái Lan đảm bảo an ninh ở phía Đông, vừa hướng vào mục đích cân bằng ảnh hưởng tại Lào với các nước láng giềng khác trong khu vực. Do vậy, nhân tố Thái Lan cũng có những tác động không nhỏ đến quan hệ Lào – Việt Nam.

Cuối cùng, *sự phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)* mà cả Lào và Việt Nam đều là thành viên đang có những tác động tích cực đến quan hệ Lào – Việt Nam. Quan hệ giữa hai nước chịu sự chi phối của các yếu tố từ hợp tác nội khối của ASEAN và giữa ASEAN với các đối tác được xác định theo tập quán quốc tế trên cơ sở lợi ích song phương. Hợp tác hai nước Việt Nam – Lào trong khuôn khổ hợp tác ASEAN trên nhiều lĩnh vực không chỉ khai thác có hiệu quả lợi thế của mỗi nước, mà còn góp phần thúc đẩy kinh tế khu vực phát triển, giúp tăng cường vị thế của ASEAN trên trường quốc tế. Trong khuôn khổ các hợp tác đa phương mà nổi bật là phát triển tiểu vùng Mekong mở rộng, khu vực mà Việt Nam, Lào là những thành viên quan trọng với các cấp độ liên kết hợp tác từ cấp trung ương đến địa phương là điều kiện để mở rộng hợp tác ngày càng vững chắc không chỉ trong hiện tại mà cả trong thời gian tới.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá, khu vực hoá đang phát triển mạnh cùng với sự phát triển vượt bậc của nền kinh tế tri thức, hai nước đã đẩy mạnh các hoạt động giao lưu, hội nhập với khu vực và thế giới, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là đã phối hợp với nhau chặt chẽ trong các hoạt động chung, trở thành những nước thành viên tích cực và có trách nhiệm trong tổ chức ASEAN.

Như vậy, nhân tố ASEAN đã trở thành nhân tố khách quan quan trọng, có tác động tích cực đối với sự phát triển của Lào và Việt Nam và quan hệ Lào – Việt Nam. Bởi vì đây vừa là điều kiện thuận lợi để bảo đảm cho việc tăng cường củng cố quan hệ đặc biệt giữa hai nước theo hướng bình đẳng và cùng có lợi, đưa quá trình hợp tác đặc biệt, toàn diện đi vào thực chất hơn, sâu rộng hơn và hiệu quả hơn, nhưng cũng là nơi tập trung sự tranh giành ảnh hưởng giữa các nước lớn, nhất là giữa Mỹ và Trung Quốc và còn tồn tại nhiều yếu tố gây mất ổn định như vấn đề tranh chấp lãnh thổ, biển đảo ngày càng gay gắt, sự can dự của các nước lớn với

¹⁰ Từ năm 2006 đến 2010, Việt Nam là nước đầu tư cao nhất tại Lào với 29% của tổng giá trị phê duyệt đầu tư, sau đó là Trung Quốc 27% và Thái Lan 23%; còn từ năm 2011 đến 2014, Trung Quốc là nước đầu tư tại Lào cao nhất chiếm đến 36% tổng giá trị đầu tư, Việt Nam là 30% và Thái Lan là 13%.

những mưu đồ khác nhau dựa trên lợi ích quốc gia của mỗi nước. Vì vậy, trong xu thế hợp tác ngày càng chặt chẽ của ASEAN, làm thế nào để vừa đảm bảo được sự phát triển chung của cộng đồng, vừa không ảnh hưởng đến lợi ích của mỗi quốc gia, vừa gìn giữ được quan hệ đặc biệt giữa hai nước là điều không hề dễ dàng cho cả Lào và Việt Nam.

3. Kết luận

Quan hệ hữu nghị đặc biệt Lào – Việt Nam được bắt nguồn từ nhiều nhân tố nội sinh và ngoại sinh cụ thể. Những nhân tố đó trên những mức độ khác nhau, trong những giai đoạn khác nhau đã có ảnh hưởng và tác động đa chiều đến quá trình xây dựng, củng cố và phát triển bền vững quan hệ hữu nghị, hợp tác đặc biệt giữa hai nước trong giai đoạn mới, từ khi tiến hành công cuộc đổi mới để phát triển đất nước cho đến nay.

Đối với các nhân tố nội sinh, nhân tố hệ tư tưởng và mục tiêu quốc gia luôn là nòng cốt của tiến trình xây dựng bền vững và trường tồn quan hệ hữu nghị đặc biệt Lào – Việt Nam. Sự nhất trí hoàn toàn về lập trường, mục tiêu phát triển trong sự nghiệp đổi mới và xây dựng đất nước của hai nước trở thành định hướng, là kim chỉ nam dẫn đường cho quá trình củng cố và phát triển quan hệ song phương cả trong hiện tại và tương lai. Lợi ích quốc gia, dân tộc của hai nước, trước hết về chính trị – an ninh và phát triển kinh tế luôn song hành và phù hợp với nhau, tương hỗ lẫn nhau; sự ổn định chính trị và an ninh của mỗi nước là điều kiện bảo đảm cho nước còn lại có điều kiện ổn định để phát triển; sự phát triển kinh tế của nước này sẽ là điều kiện thuận lợi cho nước còn lại củng cố tiềm lực của mình, có thời cơ để tăng cường hợp tác và phát triển. Nhân tố lợi ích quốc gia, dân tộc với những kết quả đạt được trong 30 năm hai nước cùng thực hiện công cuộc mở cửa, đổi mới đất nước là điều kiện bảo đảm, quyết định cho việc tăng cường tính chất đặc biệt của mỗi quan hệ song phương.

Về các nhân tố ngoại sinh, sự trỗi dậy của Trung Quốc với các khoản đầu tư khổng lồ là nhân tố tác động tiêu cực nhất đến quan hệ Lào – Việt Nam. Bên cạnh đó, Thái Lan với những tương đồng về lịch sử, văn hóa và sự thâm nhập ngày càng tăng vào Lào cũng có những tác động không nhỏ. Việc giảm thiểu các tác động tiêu cực từ các nhân tố này sẽ bảo đảm cho mối quan hệ hợp tác giữa hai nước có điều kiện phát triển hiệu quả và bền vững lâu dài trong tương lai. Lào và Việt Nam đều là thành viên ASEAN, sự chi phối của nhân tố ASEAN đến quan hệ Lào – Việt nhìn chung vẫn là rất lớn và hết sức thuận lợi, tạo điều kiện cho quan hệ Lào – Việt Nam hợp tác chặt chẽ hơn, hiệu quả hơn.

Trong những năm tới, khả năng thay đổi, biến đổi của các nhân tố chắc chắn sẽ xảy ra, tương ứng với từng giai đoạn phát triển của mỗi nước với các kịch bản vừa mang lại những điều kiện thuận lợi, cũng như tạo ra không ít khó khăn, thách thức cho quan hệ hai nước. Tuy nhiên, có thể thấy quan hệ đặc biệt Lào – Việt Nam được xây dựng trên nền tảng cùng ý thức hệ, cùng đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của hai Đảng có cội nguồn là Đảng Cộng sản Đông

Dương, giữa hai nước láng giềng đã và đang chia sẻ vận mệnh lịch sử, có những gắn kết tương hỗ về lợi ích quốc gia dân tộc. Việc vận dụng, điều chỉnh khéo léo để hạn chế tối đa các mức độ ảnh hưởng, tác động của các nhân tố chủ quan và khách quan mà thời đại mang lại, dù vẫn còn có nhiều thách thức đang đặt ra đòi hỏi hai nước cần phải vượt qua để tiếp tục duy trì và phát triển quan hệ hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện Lào – Việt Nam bền vững trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alvin Cheng-Hin Lim (2015), “Laos And The Silk Road Economic Belt-Analysis”, *Eurasiareview* (Bản dịch tiếng Việt “Lào với “vành đai kinh tế, con đường tơ lụa” của Trung Quốc”, <http://nghiencuubiendong.vn/quan-h-quoc-t/5794-lao-voi-vanh-dai-kinh-te-con-duong-to-lua-cua-trung-quoc>)
2. Bouathib Vilaysack (2017), *Quan hệ kinh tế Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào – Vương quốc Thái Lan 1991–2015*, Luận văn Thạc sĩ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.
3. Chummaly Sayasone (2011), “Mối quan hệ Lào – Việt Nam là tài sản vô giá của hai nước”, *Tạp chí Đối ngoại*, số 8.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 47, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Học viện Chính trị – Hành chính quốc gia Lào, Viện Khoa học xã hội quốc gia Lào (2017), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: “55 năm quan hệ hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện Việt Nam – Lào”*, Bình Thuận, ngày 05-6-2017.
6. Nguyễn Thị Phương Nam (2007), *Quan hệ Việt Nam – Lào từ 1975-2005*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
7. Nhotkhamani Souphanouvong (2016), *Những nhân tố chi phối quan hệ đặc biệt Lào – Việt Nam từ năm 1986–2011*, Luận án Tiến sĩ Quan hệ quốc tế, Học viện Ngoại giao.
8. Sisavanh Keomanichen (2015), *Tác động của nhân tố Trung Quốc tới quan hệ kinh tế đối ngoại Lào – Việt Nam từ năm 1986–2015*, Luận văn Thạc sĩ Quan hệ quốc tế, Học viện Ngoại giao.
9. Soulixay Phichit (2008), *Quan hệ đặc biệt Lào – Việt Nam trên lĩnh vực an ninh – quốc phòng từ sau Chiến tranh lạnh đến nay*, Luận văn Thạc sĩ Quan hệ quốc tế, Học viện Ngoại giao.
10. Nguyễn Xuân Thắng (chủ nhiệm, 2013), *Một số giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường quan hệ hữu nghị đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam – Lào giai đoạn 2011–2020*, Đề tài khoa học cấp nhà nước, Hà Nội.
11. Tổng cục Thống kê (2016), *Số liệu kinh tế – xã hội các quốc gia thành viên ASEAN giai đoạn 2000–2014*, Nxb. Thống kê.
12. Viện Khoa học xã hội Việt Nam – Viện Khoa học xã hội quốc gia Lào (2007), *Hội thảo khoa học quốc tế về môi trường quan hệ Việt Nam – Lào*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

13. The implications of the rise of Chinese aid to Laos – [Devpolicy devpolicy.org/2015-Australasian-aid.../1d/Pepe-Khennavong.pdf].
14. World Bank (2011), *Lao PDR Economic Monitor*, May, Update.
15. <https://vietlaonews.com/lao-campuchia-va-su-phu-thuoc-khong-tranh-khoi-doi-voi-trung-quoc/>
16. <http://vov.vn/kinh-te/258-du-an-cua-viet-nam-duoc-cap-phep-dau-tu-tai-lao-493998.vov>
17. <https://thediplomat.com/2016/03/chinas-rising-influence-in-laos/>

FACTORS AFFECTING LAOS – VIETNAM RELATIONS (1986–2016)

Nguyen Viet Xuan

University of Sciences, Hue University, 77 Nguyen Hue St., Hue, Vietnam

Abstracts. The tie between Laos and Vietnam has been asserted to be a special traditional relationship that is reinforced by the people and the governments of the two countries. During the last 30 years after the two countries implemented the course of renovation and open-up, this special traditional relationship has been enhanced and achieved important results in all fields of cooperation. However, the new political context of the post-Cold War situation, together with the changed international position of the two countries after the renovation and open-up, has created new factors affecting the relations between Laos and Vietnam. From identifying the factors affecting Lao – Vietnamese relations in the studied period, this article points out and assesses the positive and negative impact and its level on the relations between the two countries.

Keywords: Laos, Vietnam, factors, relations